

4. KINH CHỨNG ĐỨC (*Soṇadaṇḍa Sutta*)¹

300. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành trong xứ Aṅga (Ương-già) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại thành Campā² (Chiêm-bà), và tại Campā, Thế Tôn ở trên bờ hồ sen Gaggarā (Già-già). Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa (Chứng Đức) trú tại Campā, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), vua có quân lực hùng mạnh của nước Magadha (Ma-kiệt-đà) cấp,³ một ân tứ của vua, một tịnh thí địa.

301. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā được nghe tiếng đồn như sau: “Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Aṅga với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị đã đến tại thành Campā, và tại Campā, Sa-môn Gotama ở trên bờ hồ sen Gaggarā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: ‘Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay sự kính ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!’”

Rồi các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā.

302. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đi lên trên lầu để nghỉ trưa, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa thấy các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā. Thấy vậy, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa bèn gọi người gác cửa:

– Này người gác cửa, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā như vậy?

¹ Xem D. I. 47, 87, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; M. II. 29, 157, 164, 175, 214, 220, 256, 271, 339, 252, 400, 513; III. 29; S. IV. 103, 110, 177; A. I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; V. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Chứng Đức kinh* 種德經 (T.01. 0001.22. 0094a18).

² Campā là thủ đô của Aṅga, nằm ở phía Đông bờ sông cùng tên (J. IV. 454) hình thành nên biên giới phía Đông của Magadha.

³ Thời đức Phật, Aṅga thuộc sở hữu của Magadha.

– Thừa Tôn giả, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Aṅga với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại thành Campā, và tại Campā, Sa-môn Gotama ở trên bờ hồ sen Gaggara. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Nay những người ấy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

– Nay người giữ cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn và gia chủ: “Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa có nói: ‘Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama.’”

– Dạ vâng.

Người giữ cửa ấy vâng theo lời của Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa, đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā; khi đến xong, liền nói với các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā:

– Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa có nói: “Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama.”

303. Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn từ nhiều địa phương khác nhau, đến ở tại Campā vì công vụ. Những Bà-la-môn nghe: “Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.” Những Bà-la-môn này đến Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa; khi đến xong, liền thưa với Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa:

– Có phải Tôn giả Sonaḍaṇḍa sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama?

– Này các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Sonaḍaṇḍa, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonaḍaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama. Nếu Tôn giả Sonaḍaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama thì danh tiếng của Tôn giả Sonaḍaṇḍa bị hao tổn, danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng. Vì danh tiếng của Tôn giả Sonaḍaṇḍa bị hao tổn và danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng; do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonaḍaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Sonaḍaṇḍa.

Lại nữa, Tôn giả Sonaḍaṇḍa thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh, cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Sonaḍaṇḍa thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonaḍaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa.

Lại nữa, Tôn giả Sonaḍaṇḍa là nhà giàu có, đại phú, sung túc. Do điểm này... (như trên)...

Lại nữa, Tôn giả Sonaḍaṇḍa là nhà phú tưng, nhà trù chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thể luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân... (như trên)...

Tôn giả Sonaḍaṇḍa đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù thắng khô ngô tuần tú, cử chỉ trang nhã, đáng điệu cao thượng... (như trên)...

Tôn giả Sonaḍaṇḍa có đức hạnh, đức hạnh cao dày, đầy đủ đức hạnh cao dày... (như trên)...

Tôn giả Sonaḍaṇḍa thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phêu phào, giải thích nghĩa lý minh xác... (như trên)...

Tôn giả Sonaḍaṇḍa là bậc Tôn sư của hàng Tôn sư nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật, thanh niên Bà-la-môn từ nhiều phương, từ nhiều nước, tha thiết với chú thuật đến với Tôn giả Sonaḍaṇḍa để học thuộc lòng các chú thuật... (như trên)...

Tôn giả Sonaḍaṇḍa niên cao, lập lớn, bậc lão thành, đến tuổi trưởng thượng; còn Sa-môn Gotama thì tuổi trẻ, xuất gia chưa được nhiều năm... (như trên)...

Tôn giả Sonaḍaṇḍa được Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la hùng mạnh) xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)...

Tôn giả Sonaḍaṇḍa được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)...

Tôn giả Sonaḍaṇḍa sống ở Campā, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. Vì Tôn giả Sonaḍaṇḍa sống ở Campā, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương địa do Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cấp, một ân tứ, một tịnh thí địa. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonaḍaṇḍa đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Sonaḍaṇḍa.

304. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa nói với những Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả, hãy nghe ta giải thích vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến thăm chúng ta. Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Nay các Hiền giả, do Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì điểm này, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta; trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ đại gia đình quyền thuộc. Vì điểm này... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù trắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đức hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư trong các hàng Tôn sư của nhiều người... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã diệt trừ được mọi xao động của tâm... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn thiên, nhơn đến quy y Sa-môn Gotama... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: “Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” (Như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama nói lời chào đón, thân thiện, tao nhã, trang trọng, chơn trực, thẳng thắn, lời nói có dẫn chứng... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được bốn chúng kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính nể, trọng vọng... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, rất nhiều thiên, nhơn tín ngưỡng Sa-môn Gotama... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, ở tại làng nào, thôn ấp nào Sa-môn Gotama cư trú thì tại làng ấy, tại thôn ấp ấy, các loài phi nhơn không làm hại loài người... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là Giáo hội chủ, Giáo phái chủ, Giáo phái sư, được tôn là tối thượng trong các Giáo tổ... (như trên)...

Này các Hiền giả, danh tiếng của một số Sa-môn, Bà-la-môn dựa trên những bằng chứng không đâu, danh tiếng của Sa-môn Gotama không phải vậy. Danh tiếng của Sa-môn Gotama dựa trên trí đức vô thượng của Ngài... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Pasenadi nước Kosala cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasāti cùng với các con, vợ, thị giả, đều quy y Sa-môn Gotama... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Seniya Bimbisāra nước Magadha kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Pasenadi nước Kosala kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)...

Này Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama, được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)...

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Campā, nay đang ở tại Campā, trên bờ hồ sen Gaggara. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Campā, hiện ở tại Campā trên bờ hồ sen Gaggara, như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi, Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

305. Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn ấy nói với Bà-la-môn Soṇadaṇḍa:

– Tôn giả Soṇadaṇḍa đã tán thán Sa-môn Gotama như vậy, dầu cho người

của gia tộc ở xa Tôn giả Gotama đến một trăm do-tuần cũng đủ cho người ấy đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, dầu phải đem theo lương thực. Do vậy, tất cả chúng tôi sẽ đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

306. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến bờ hồ sen Gaggara. Sự lo lắng sau đây khởi lên trong tâm trí của Bà-la-môn Soṇadaṇḍa khi đi ngang qua khu rừng: “Nếu ta hỏi Sa-môn Gotama một câu và nếu Sa-môn Gotama trả lời với ta như sau: ‘Này Bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như thế này’, thời như vậy hội chúng này sẽ khinh miệt ta: ‘Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là ngu si, bất tài, không thể hỏi một câu cho chín chắn.’ Nếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt, thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta có được. Nếu Sa-môn Gotama hỏi ta một câu, câu trả lời của ta về câu hỏi ấy có thể không làm cho tâm trí được thỏa mãn;⁴ và nếu Sa-môn Gotama nói với ta như sau: ‘Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy nên trả lời như thế này’, thời như vậy, hội chúng này sẽ khinh miệt ta: ‘Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là ngu si, bất tài không thể làm cho tâm trí Sa-môn Gotama thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi ấy.’ Nếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt, thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta có được. Nếu ta đi đến gần như thế này mà ta trở về không gặp Sa-môn Gotama, thời hội chúng này sẽ khinh miệt ta: ‘Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là người ngu si, bất tài, kiêu mạn, cứng đầu, sợ hãi, không dám đến yết kiến Sa-môn Gotama, làm sao đã đi đến gần như thế này mà lại trở về không gặp Sa-môn Gotama.’ Nếu hội chúng khinh miệt ta, thời danh dự ta bị giảm bớt; và ai bị danh dự giảm bớt, thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta có được.”

307. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đến chỗ đức Thế Tôn; sau khi đến, bèn nói lời thân ái, chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, có người đánh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói lời thân ái chào đón chúc tụng với Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người chấp tay vái chào Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên, có người yên lặng ngồi xuống một bên.

308. Lúc ấy, Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đang ngồi, tâm trí lo lắng: “Nếu ta hỏi Sa-môn Gotama một câu và nếu Sa-môn Gotama trả lời với ta như sau: ‘Này Bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như vậy, nên đặt câu hỏi như thế này’, thời như vậy hội chúng sẽ khinh miệt ta: ‘Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là ngu si, bất tài, không thể hỏi một câu cho chín chắn.’ Nếu hội chúng này khinh miệt ta thì danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh tiếng chúng ta

⁴ *Cittam na ārādhēyyam*: Làm cho người khác tin phục. Xem *M.* I. 85, 341 và II. 10; *Miln.* 25.

có được. Nếu Sa-môn Gotama hỏi ta một câu và câu trả lời của ta về câu hỏi ấy có thể không làm cho tâm trí được thỏa mãn; và nếu Sa-môn Gotama nói với ta như thế này: ‘Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy không nên trả lời như vậy. Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy nên trả lời như thế này’, thời như vậy hội chúng này sẽ khinh miệt ta: ‘Bà-la-môn Soṇadaṇḍa là người ngu si, bất tài, không làm cho tâm trí Sa-môn Gotama thỏa mãn với câu trả lời [ấy].’ Nếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai danh tiếng bị giảm bớt thì thân nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh tiếng chúng ta có được. Mong rằng Sa-môn Gotama hãy hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyền Vệ-đà. Như vậy chắc chắn ta có thể làm tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời của ta cho câu hỏi ấy.”

309. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết được sự phân vân, lo lắng của Bà-la-môn Soṇadaṇḍa với tri giác của mình, liền tự nghĩ: “Bà-la-môn Soṇadaṇḍa này đang phân vân, lo lắng, Ta hãy hỏi Bà-la-môn Soṇadaṇḍa với câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyền Vệ-đà.”

Rồi đức Thế Tôn hỏi Bà-la-môn Soṇadaṇḍa:

– Này Bà-la-môn, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ bao nhiêu đức tánh mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối?

310. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Soṇadaṇḍa suy nghĩ: “Thật vậy, điều mà ta mong ước, hy vọng, yêu cầu, mong đợi: ‘Mong Sa-môn Gotama hãy hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyền Vệ-đà. Như vậy chắc chắn ta có thể làm tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi ấy.’ Và nay, Sa-môn Gotama hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyền Vệ-đà. Chắc chắn ta có thể làm cho tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi ấy.”

311. Rồi Bà-la-môn Soṇadaṇḍa ngồi thẳng lưng, nhìn xung quanh hội chúng và bạch đức Thế Tôn:

– Có năm đức tánh, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối. Thế nào là năm? Ở đây, này Tôn giả, người Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, đáng điệu cao thượng. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Và vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ [để đổ bơ làm tế thần]. Này Tôn giả Gotama, đó là năm đức tánh, những vị

Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

– Nay Bà-la-môn, trong năm đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có bốn đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối?

– Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong năm đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ dung sắc. Thật vậy, dung sắc làm được gì khi một Tôn giả Bà-la-môn thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh? Vị ấy lại là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Và vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Nay Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

312. – Nay Bà-la-môn, trong bốn đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có ba đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối?

– Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong bốn đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ chú thuật. Thật vậy, chú thuật làm được gì khi một Tôn giả Bà-la-môn thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh? Vị ấy lại là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy lại có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Nay Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

– Nay Bà-la-môn, trong ba đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có hai đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối?

– Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong ba đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ thọ sanh. Thật vậy, thọ sanh làm được gì khi một Tôn giả Bà-la-môn có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày? Vị ấy là

người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Nay Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

313. Khi nghe nói vậy, những vị Bà-la-môn kia nói với Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa:

– Nay Tôn giả Sonaḍaṇḍa, chớ có nói như vậy! Nay Tôn giả Sonaḍaṇḍa, chớ có nói như vậy! Tôn giả Sonaḍaṇḍa khinh bác dung sắc, khinh bác chú thuật, khinh bác thọ sanh. Thật sự Tôn giả Sonaḍaṇḍa đã ngã theo quan niệm của Sa-môn Gotama.

314. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Nếu các người Bà-la-môn nghĩ: “Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa không phải là bậc đa văn, Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa không phải là nhà hùng biện giỏi, Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa không phải là nhà bác học và Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa không có thể biện luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này”, thời Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa hãy đứng yên và để các người biện luận với Ta. Nếu các người Bà-la-môn nghĩ: “Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa là bậc đa văn, Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa là nhà hùng biện giỏi, Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa là nhà bác học và Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa có thể biện luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này”, thời các người hãy đứng yên và để Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa biện luận với Ta.

315. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa bạch với đức Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama hãy đứng yên. Tôn giả Gotama hãy giữ im lặng. Tôi sẽ trả lời cho các vị Bà-la-môn ấy đúng với Chánh pháp.

Rồi Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Nay các Hiền giả, chớ có nói như vậy: “Tôn giả Sonaḍaṇḍa khinh bác dung sắc, khinh bác chú thuật, khinh bác thọ sanh. Thật sự Tôn giả Sonaḍaṇḍa đã ngã theo quan niệm của Sa-môn Gotama.” Nay các Hiền giả, tôi không có phải bác dung sắc hoặc chú thuật hay thọ sanh.

316. Lúc bấy giờ, thanh niên Aṅgaka là người cháu của Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa đang ngồi trong hội chúng ấy. Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa nói với những vị Bà-la-môn kia:

– Nay các Hiền giả, các Hiền giả có thấy người cháu tôi, thanh niên Aṅgaka không?

– Thừa Tôn giả, có thấy.

– Các Hiền giả, thanh niên Aṅgaka là đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù trắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng, không một ai trong chúng này có thể bằng được về dung sắc, trừ Sa-môn Gotama. Nay các Hiền giả, thanh niên Aṅgaka là nhà tri chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận

(Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Chính ta dạy cho nó chú thuật. Nay các Hiền giả, thanh niên Āṅgaka thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Ta biết cha và mẹ nó. Nay các Hiền giả, nếu thanh niên Āṅgaka giết hại các loại hữu tình, lấy của không cho, đi tư thông với vợ người, nói láo, uống rượu, như vậy này các Hiền giả, thì dung sắc làm được cái gì, thọ sanh làm được cái gì? Nay các Hiền giả, một Bà-la-môn cần có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày, lại là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Nay các Hiền giả, những Bà-la-môn nào đầy đủ hai đức tánh ấy mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

317. – Nay Bà-la-môn trong hai đức tánh ấy, có thể bỏ qua một đức tánh, và những người Bà-la-môn đầy đủ một đức tánh nào, để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối.

– Tôn giả Gotama, không thể được. Tôn giả Gotama, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. Tôn giả Gotama, cũng như lấy bàn tay để rửa bàn tay, lấy bàn chân để rửa bàn chân; cũng vậy, Tôn giả Gotama, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời.

– Thật như vậy, này Bà-la-môn. Nay Bà-la-môn, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. Nay Bà-la-môn, cũng như lấy bàn tay để rửa bàn tay, lấy bàn chân để rửa bàn chân; cũng vậy, này Bà-la-môn, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời.

318. Nhưng này Bà-la-môn, thế nào là giới hạnh, thế nào là trí tuệ?

– Tôn giả Gotama, chúng tôi chỉ biết có vậy là tội bực về vấn đề này. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama giải thích ý nghĩa của câu nói ấy!

– Này Bà-la-môn, vậy hãy nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ nói.

– Tôn giả, xin vâng.

Bà-la-môn Soṇadaṇḍa trả lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết như sau:

– Này Bà-la-môn, ở đây, Như Lai ra đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri,

Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.”

Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

Này Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ những người kia. Như vậy, Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ

trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà và con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai; từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt cây sanh, giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh; còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị; còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi sắt, trò chơi sào tre, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn

chánh... (như trên). Nay Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Nay Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí... (như trên). Nay Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Nay Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con nai có bộ da quý (kadali), tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ; còn vị ấy thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn... (như trên). Nay Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Nay Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đắp bốp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gương, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phát trần, vải trắng có viền tua dài; còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm... (như trên). Nay Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Nay Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế

giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp như nói: “Người không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao người có thể biết Pháp và Luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước; chủ kiến của người đã bị bài bác, câu nói của người đã bị gièm pha; người đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí”; còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp... (như trên). Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: “Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia”; còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức, không đứng làm môi giới... (như trên). Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, gièm pha, cầu lợi; còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh... (như trên). Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triêu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, té lửa, té muông, dùng miệng phun hạt cải, v.v... vào lửa, té vỏ lúa, té tấm, té gạo, té thực tô, té máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngửa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim; còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh... (như trên). Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng

chim cun cú, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật; còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng... (như trên). Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng... (như trên). Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đất sẽ có kết quả như thế này; sấm trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng sẽ có kết quả như thế này; còn vị ấy thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng tà mạng... (như trên). Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kể toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng... (như trên). Đây Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rê về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rê, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú

khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu thần tài Siri; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng... (như trên). Nay Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Nay Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng... (như trên). Nay Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Nay Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Như vậy, nay Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Nay Bà-la-môn, như một vị Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, nay Bà-la-môn, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, nay Bà-la-môn, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

Nay Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Nay Bà-la-môn, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, nay Bà-la-môn, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

Nay Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Nay Bà-la-môn, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kẹp, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, nay Bà-la-môn, là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

Nay Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? Ở đây, Tỷ-kheo bằng lòng với

tắm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Nay Bà-la-môn, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, nay Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tắm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như vậy, nay Bà-la-môn, là Tỷ-kheo biết đủ.

Vị ấy, với giới uần cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rom. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hồi tiếu, vị ấy sống không trạo cử hồi tiếu, nội tâm trầm lắng, gột rửa tâm hết trạo cử hồi tiếu. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Nay Bà-la-môn, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Nay Bà-la-môn, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Nay Bà-la-môn, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Nay Bà-la-môn, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại; nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Nay Bà-la-môn, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa

mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian, đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Như vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc.

Này Bà-la-môn, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Bà-la-môn, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Bà-la-môn, ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân

cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này Bà-la-môn, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tắm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này Bà-la-môn, ví như một người ngồi dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.”

Này Bà-la-môn, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.”

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền

não, nhu nhuyển, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này Bà-la-môn, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: “Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra.” Này Bà-la-môn, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này Bà-la-môn, ví như một người lột xác một con rắn, người ấy nghĩ: “Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra”; cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyển, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyển, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này Bà-la-môn, ví như một người thợ gốm khéo tay hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này Bà-la-môn, ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giữa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này Bà-la-môn, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyển, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyển, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm,

hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Này Bà-la-môn, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiềng, người ấy nghĩ: “Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiềng.” Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

“Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiên định biết là tâm thiên định, tâm không thiên định biết là tâm không thiên định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.”

Này Bà-la-môn, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

“Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiên định biết là tâm thiên định, tâm không thiên định biết là tâm không thiên định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.”

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm,

hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây.” Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Bà-la-môn, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: “Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ làng kia ta đi đến làng nọ, tại đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta.” Như vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây.” Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: “Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này.”

Như vậy, vị ấy với Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này Bà-la-môn, ví như một tòa lâu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: “Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng.” Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: “Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này.” Như vậy, với Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lưu tận trí. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật: “Đây là khổ diệt”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc.” Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.”

Này Bà-la-môn, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: “Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ.” Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy,

Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lưu tận trí. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật: “Đây là khổ diệt”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc.” Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.” Nay Bà-la-môn như vậy là trí huệ.

319. Khi nghe nói như vậy, Bà-la-môn Sonaṇḍa nói với đức Thế Tôn:

– Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Mong Tôn giả Gotama ngày mai cùng chúng Tỷ-kheo nhận lời đến dùng cơm do con mời.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

320. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sonaṇḍa được biết đức Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, thân phía hữu hướng về đức Phật và từ biệt. Rồi Bà-la-môn Sonaṇḍa khi đem đã măn liên cho làm sẵn sàng tại nhà các món thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi báo thì giờ cho đức Thế Tôn: “Giờ đã đến, Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng.”

Khi ấy, đức Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo bình bát, và cùng chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Sonaṇḍa; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Sonaṇḍa tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

321. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sonaṇḍa, sau khi được biết đức Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế thấp khác ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Sonaṇḍa bạch đức Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, khi con ở trong hội chúng, nếu con từ chỗ ngồi đứng dậy và đánh lễ Thế Tôn Gotama, thời hội chúng này sẽ phi báng con. Ai bị hội chúng này phi báng, thời danh tiếng sẽ bị tổn giảm, và ai danh tiếng bị tổn giảm, thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường tùy thuộc vào danh tiếng chúng con có được. Tôn giả Gotama, nếu ở trong hội chúng mà con chấp tay vái chào, mong Tôn giả Gotama nhận đây là con đứng dậy. Tôn giả Gotama, nếu trong hội chúng mà con tháo khăn đầu, mong Tôn giả Gotama nhận đây là con vái chào với đầu của con. Tôn giả Gotama, khi con đi trên xe,

nếu con xuống xe và đánh lễ Thế Tôn Gotama, thời hội chúng sẽ phỉ báng con. Ai bị hội chúng này phỉ báng, thời danh tiếng bị tổn giảm, và ai danh tiếng bị tổn giảm, thời thâm nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì sự cúng dường tùy thuộc vào danh tiếng chúng con có được. Tôn giả Gotama, nếu trong khi con đi xe, con hạ cán roi xuống, mong Tôn giả Gotama nhận đây là con xuống xe. Tôn giả Gotama, nếu trong khi con đi xe, con vẫy tay, mong Tôn giả Gotama nhận đây là con vái chào với đầu của con.

322. Rồi đức Thế Tôn với một thời thuyết pháp, giảng dạy, khích lệ, kích thích và làm cho Bà-la-môn Soṇadaṇḍa hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.



